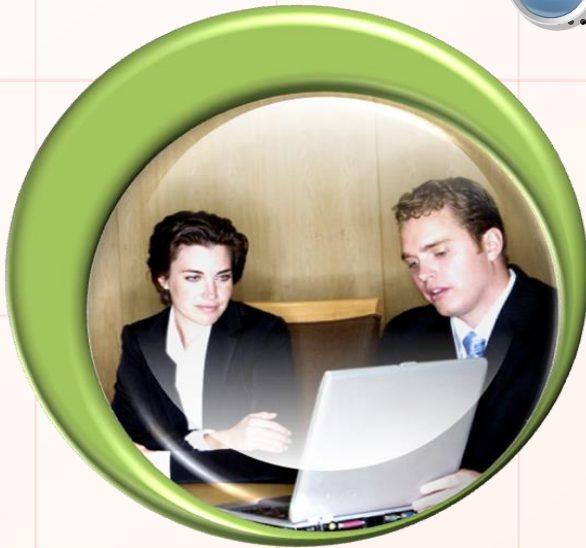


CHƯƠNG 6

PHÁP LUẬT DÂN SỰ



NỘI DUNG



-Khái quát về Pháp luật Dân sự
-Quan hệ nhân thân.....
-Quan hệ tài sản.....
-Quyền thừa kế.....

1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

1. Khái quát về Pháp luật dân sự

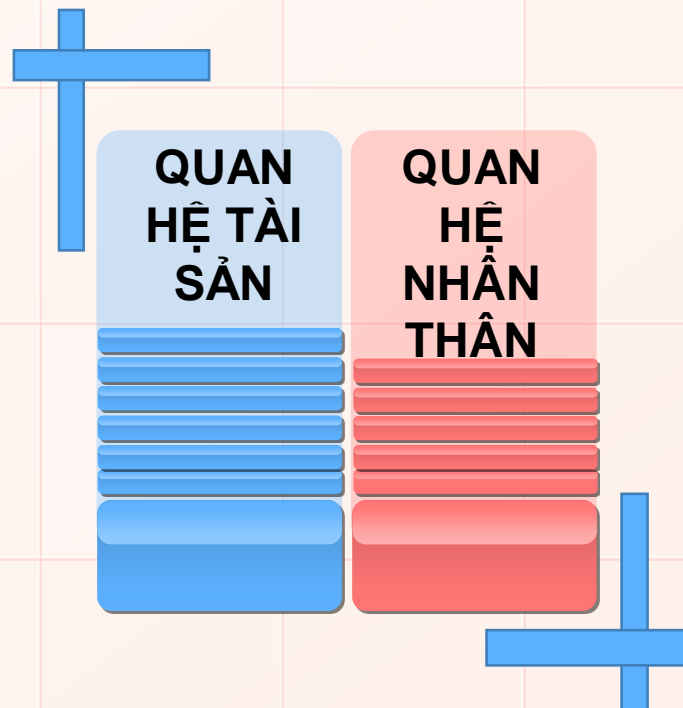
1.1 Khái niệm:

Là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng thể các quy định trong lĩnh vực dân sự điều chỉnh các mối **quan hệ tài sản** và các **quan hệ nhân thân** phi tài sản hoặc có liên quan đến tài sản của cá nhân, pháp nhân hoặc chủ thể khác trên cơ sở **bình đẳng, độc lập** của các chủ thể tham gia vào quan hệ đó.

1. Khái quát về Pháp luật dân sự

1.2 Đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự:

là các **quan hệ tài sản** và **quan hệ nhân thân** phi tài sản phát sinh trong giao dịch dân sự nhằm thỏa mãn nhu cầu của các chủ thể trong xã hội.



1. Khái quát về Pháp luật dân sự

1.3 Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự:

là phương pháp **bình đẳng thỏa thuận** giữa các chủ thể tham gia giao lưu dân sự, **quyền tự định đoạt** (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) của chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự.

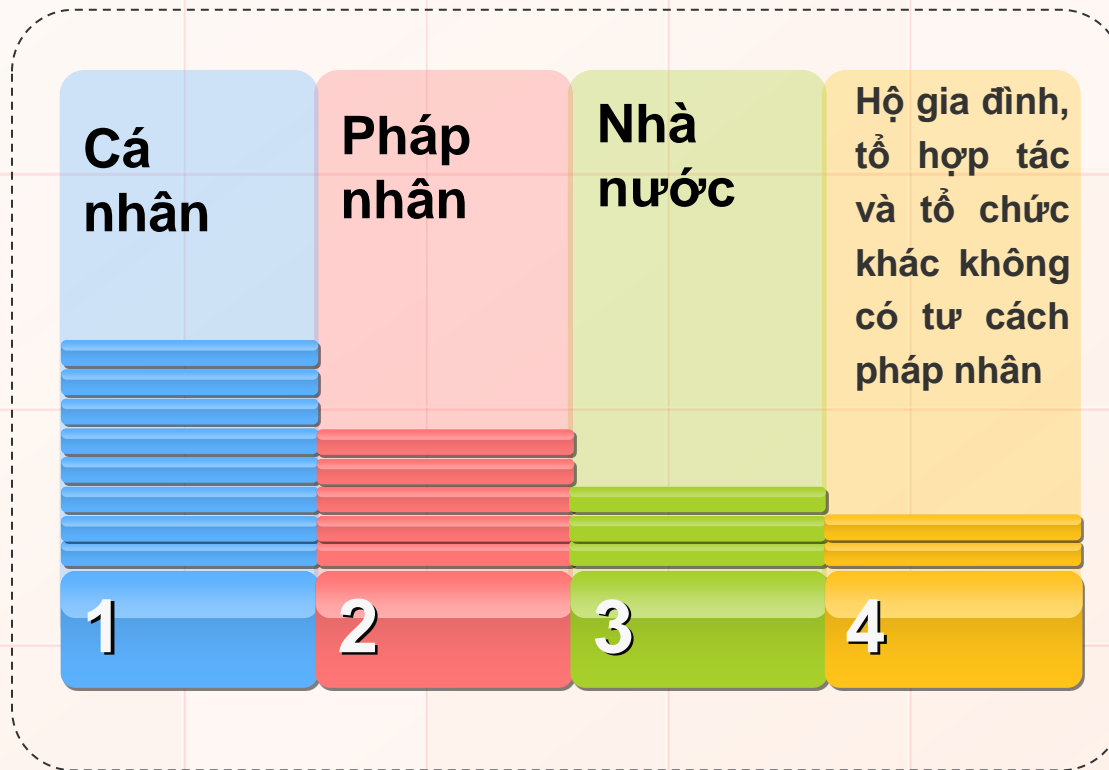
1. Khái quát về Pháp luật dân sự

1.4 Các nguyên tắc của Luật Dân sự

1. Các chủ thể **bình đẳng** với nhau trên phương diện pháp lý
2. Các chủ thể có **quyền tự định đoạt**
3. Các chủ thể dân sự **phải chịu trách nhiệm dân sự** khi vi phạm cam kết có hiệu lực hoặc vi phạm các qui định của pháp luật dân sự (chủ yếu là trách nhiệm tài sản).
4. Các tranh chấp dân sự được giải quyết theo **nguyên tắc thỏa thuận và hòa giải giữa các chủ thể**.
5. Các chủ thể có thể bảo vệ các quyền dân sự theo phương thức **khởi kiện dân sự**

1. Khái quát về Pháp luật dân sự

1.4 Chủ thể của QHPL Dân sự



1.4 Chủ thể của QHPL Dân sự

1.4.1 Cá nhân:

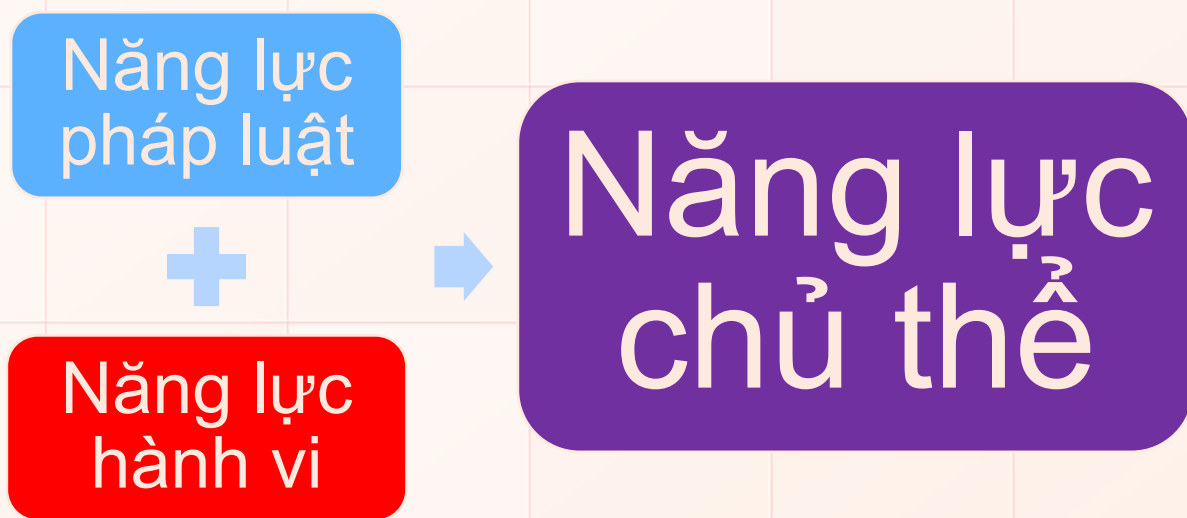
Khái niệm cá nhân bao gồm:

- Người có quốc tịch Việt Nam
 - Người có quốc tịch nước ngoài
 - Người không có quốc tịch
- khi tham gia QHDS tại Việt Nam

1.4 Chủ thể của QHPL Dân sự

Điều kiện để trở thành chủ thể QHPLDS:

Để trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật, thì các cá nhân, tổ chức phải có ***năng lực chủ thể***. ***Năng lực chủ thể*** bao gồm:



Năng lực pháp luật của cá nhân

01

Khái niệm

là khả năng cá nhân có các quyền và nghĩa vụ dân sự

02

Đặc điểm

- Mọi cá nhân đều có NLPL DS như nhau.
- Có từ khi cá nhân sinh ra và chấm dứt khi cá nhân chết

03

Nội dung

- Quyền nhân thân,
- Quyền sở hữu, thừa kế và các quyền tài sản khác
- Quyền tham gia vào quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh vào quan hệ đó.

Năng lực hành vi của cá nhân

01

Khái niệm

là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ DS

02

Đặc điểm

NLHVDS của cá nhân không giống nhau, phụ thuộc vào:

- Độ tuổi
- Khả năng nhận thức

03

Các mức độ

- Chưa có NLHVDS
- NLHVDS chưa đầy đủ
- NLHVDS đầy đủ
- Hạn chế NLHVDS
- Khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi.
- Mất NLHVDS

Năng lực hành vi dân sự của cá nhân

Mức độ NLHVDS	Tuổi/Khả năng nhận thức	Hậu quả pháp lý
Chưa có NLHVDS	0 tuổi đến 6 tuổi	mọi giao dịch Dân sự do người đại diện theo PL thực hiện
NLHVDS chưa đầy đủ	Đủ 6t - <15 tuổi	GDDS phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi
	Đủ 15t - <18 tuổi:	các GDDS phải đăng ký, khác phải có người đại diện theo PL đồng ý (VD di chúc); trừ BDS, ĐS
NLHVDS đầy đủ	Đủ 18 tuổi	tham gia vào tất cả các GDDS.
Hạn chế NLHVDS	người nghiện ma túy/chất kích thích khác + phá tán tài sản	GDDS liên quan đến tài sản do người đại diện theo pháp luật đồng ý. (trừ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày)
Khó khăn trong nhận thức...	chưa đến mức mất NLHVDS	GDDS do người giám hộ thực hiện trong phạm vi Tòa án quy định
Mất NLHVDS	Mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác	GDDS do người đại diện theo pháp luật thực hiện

1.4 Chủ thể của QHPL Dân sự

1.4.2 Pháp nhân

Pháp nhân là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, có cơ cấu tổ chức, có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình và nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Điều 74 BLDS 2015

1.4 Chủ thể của QHPL Dân sự

1.4.2 Pháp nhân

Điều kiện để trở thành pháp nhân

Có đủ 4 điều kiện:

- (1) Được thành lập theo quy định của BLDS, luật khác có liên quan;
- (2) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của BLDS;
- (3) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- (4) Nhân danh mình tham gia QHPL một cách độc lập.

1.4 Chủ thể của QHPL Dân sự

1.4.2 Pháp nhân

Phân loại pháp nhân

Có đủ 4 điều kiện:

- (1) Được thành lập theo quy định của BLDS, luật khác có liên quan;
- (2) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của BLDS;
- (3) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- (4) Nhân danh mình tham gia QHPL một cách độc lập.

1.4 Chủ thể của QHPL Dân sự

1.4.2 Pháp nhân

Phân loại pháp nhân



Pháp nhân thương mại

- Là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên.
- Bao gồm: Doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác

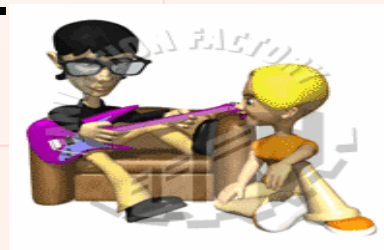


Pháp nhân phi thương mại

- Là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên.
- Bao gồm: CQNN, ĐV LLVT, TCCT, TCCT XH, TC XHNN, TCXH, TC CTXH-NN, Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện, DN xã hội, Các tổ chức phi thương mại khác ...

1.5 Khách thể của QHPLDS

- Khách thể của quan hệ pháp luật là những ***lợi ích vật chất, những giá trị tinh thần hoặc những lợi ích xã hội khác*** mà các chủ thể mong muốn đạt được khi tham gia vào quan hệ pháp luật.
- Khách thể là cái thúc đẩy các tổ chức hoặc cá nhân tham gia vào → nguyên nhân làm phát sinh quan hệ pháp luật.



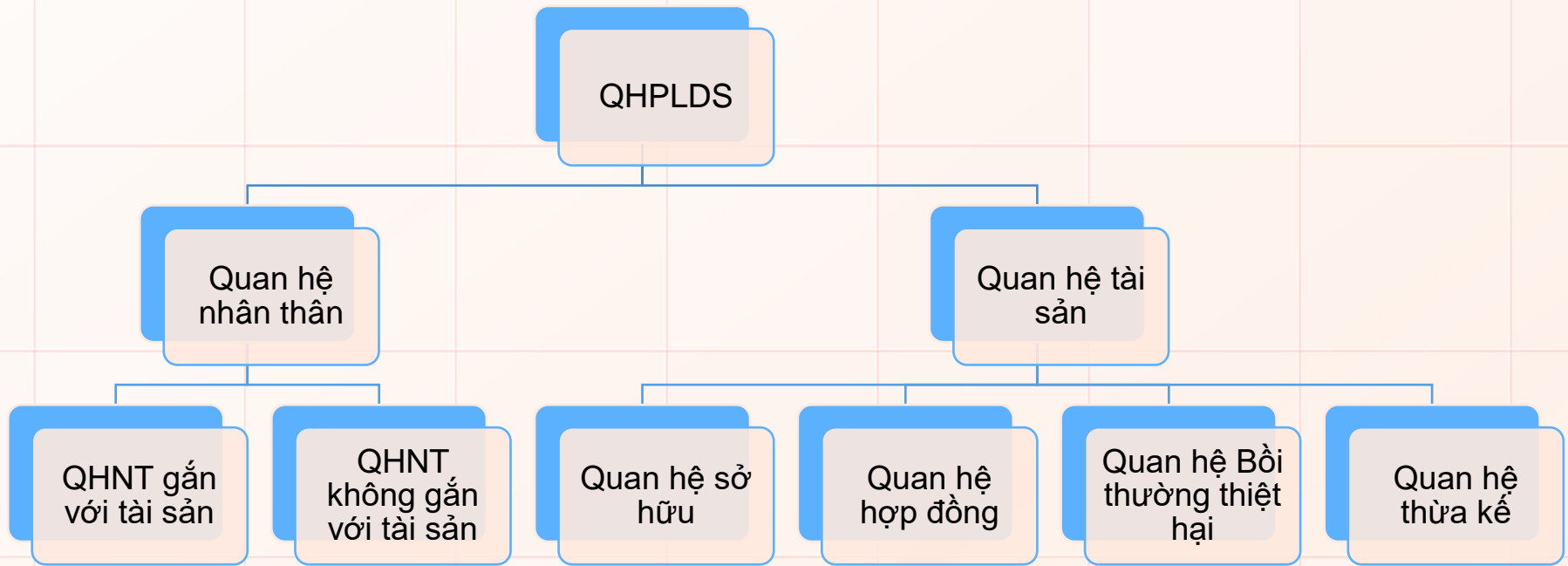
1.5 Khách thể của QHPLDS



1.6 Nội dung của QHPLDS

- Là tổng hợp các **quyền** dân sự và **nghĩa vụ** dân sự của các chủ thể trong một quan hệ pháp luật dân sự cụ thể.
- Có thể phát sinh do quy định của pháp luật hoặc do các chủ thể chủ động tạo ra thông qua các giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật (*Điều 8 BLDS 2015*)

1.7. Các chế định cơ bản của pháp luật Dân sự



2. QUAN HỆ NHÂN THÂN

2. Quan hệ nhân thân

- ❖ **Quan hệ nhân thân:** là quan hệ giữa người – người về những giá trị nhân thân (quyền nhân thân)
- ❖ **Quyền nhân thân:** Là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

(Điều 25 – 39 BLDS 2015)

- **Quyền nhân thân không gắn với tài sản** (như: quyền được khai sinh, khai tử, quyền có họ tên...)
- **Quyền nhân thân gắn với tài sản** (như: quyền tác giả...)

2. Quan hệ nhân thân

❖ Các quyền nhân thân do pháp luật quy định (Đ25)

1. Quyền có họ, tên và thay đổi họ, tên;
2. Quyền xác định, xác định lại dân tộc;
3. Quyền được khai sinh, khai tử;
4. Quyền đối với quốc tịch;
5. Quyền của cá nhân đối với hình ảnh;
6. Quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể

2. Quan hệ nhân thân

❖ Các quyền nhân thân do pháp luật quy định (Đ25)

7. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín;
8. Quyền hiến, nhận mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác;
9. Quyền xác định lại giới tính;
10. Chuyển đổi giới tính;
11. Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình;
12. Quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình;

3. QUAN HỆ TÀI SẢN

3. Quan hệ tài sản

3.1. Khái niệm:

❖ **Quan hệ tài sản:** là quan hệ giữa người – người thông qua tài sản (hoặc về những lợi ích vật chất). Luôn gắn với 1 tài sản được thể hiện dưới dạng này hay dạng khác

❖ **Tài sản:**

Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.

Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai

+ Bất động sản bao gồm:

a) Đất đai;

b) Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai;

c) Tài sản khác gắn liền với đất đai, nhà, công trình xây dựng;

d) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

+ Động sản là những tài sản không phải là bất động sản.

3. Quan hệ tài sản

3.2 Các nhóm quan hệ tài sản do Luật Dân sự điều chỉnh, gồm:

1. QH sở hữu: quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
2. QH về trao đổi (hợp đồng)
3. QH về bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho người khác do có hành vi trái pháp luật.
4. QH về dịch chuyển tài sản của người chết cho những người còn sống (thừa kế)

3. Quan hệ tài sản

3.3 Quan hệ sở hữu:

a. quyền sở hữu:

- ❖ **Quyền sở hữu tài sản:** là quyền năng mà pháp luật công nhận cho chủ sở hữu đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình (*Điều 158, Điều 186 – 224 BLDS 2015*)
- ❖ **Quyền sở hữu bao gồm:**
 - + Quyền chiếm hữu,
 - + Quyền sử dụng và
 - + Quyền định đoạt.

3. Quan hệ tài sản

a. quyền sở hữu:

- ❖ **Quyền chiếm hữu:** Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình để nắm giữ, chi phối tài sản của mình nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.
- ❖ **Quyền sử dụng:** Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản. Quyền sử dụng có thể được chuyển giao cho người khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.
- ❖ **Quyền định đoạt:** là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản.

3. Quan hệ tài sản

3.3 Quan hệ sở hữu:

b. Quyền khác đối với tài sản:

Quyền khác đối với tài sản là quyền của chủ thể trực tiếp nắm giữ, chi phối tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác.

Quyền khác đối với tài sản bao gồm:

- a) Quyền đối với bất động sản liền kề;
- b) Quyền hưởng dụng;
- c) Quyền bề mặt.

3. Quan hệ tài sản

c. Các hình thức sở hữu



Sở hữu toàn dân

Sở hữu riêng

Sở hữu chung

- **Sở hữu toàn dân** là sở hữu đối với tài sản công: bao gồm đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý.
- **Sở hữu riêng**
- **Sở hữu chung (SHC):** gồm SHC theo phần (vốn góp trong công ty) và SHC hợp nhất (SHC: cộng đồng, của các thành viên gia đình, vợ chồng, nhà chung cư)

4. QUYỀN THỪA KẾ

4. Quyền thừa kế

4.1. Khái niệm:

Thừa kế là sự chuyển quyền sở hữu đối với di sản của người chết sang cho người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật

4. Quyền thừa kế

4.2 Chủ thể



Người để lại thừa kế

- Là cá nhân.
- Có tài sản thuộc sở hữu của mình
- Cá nhân chết để lại di chúc: phải đủ 18 tuổi. Từ đủ 15-18 tuổi thì phải có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ.



Người thừa kế

- **Cá nhân:** phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc đã sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết.
- **Cơ quan, tổ chức** phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế
- **Nhà nước:** Trong trường hợp không có người thừa kế, người thừa kế không có quyền nhận di sản hoặc từ chối hưởng di sản

Người không được quyền hưởng di sản

Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó

Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản

**Người
không được
quyền
hưởng di
sản**

Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng

Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc, che giấu di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản

Ngoại lệ: nếu người để lại di sản đã biết hành vi của những người đó, nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc

4.3 Quyền và nghĩa vụ của Người thừa kế

QUYỀN CỦA NGƯỜI THỪA KẾ

- ❖ Hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật
- ❖ Từ chối nhận di sản, *trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.*

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THỪA KẾ

- ❖ Thực hiện các **nghĩa vụ tài sản** do người chết để lại (*trong phạm vi di sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*) (điều 615 BLDS)

4. Quyền thừa kế

4.4. Di sản:

Di sản là tài sản của người chết để lại thừa kế; là **tài sản riêng** của người chết và **phần tài sản** của người chết trong khối tài sản chung với người khác, trong đó bao gồm tài sản hữu hình và các quyền tài sản.

4. Quyền thừa kế

4.5. Thứ tự ưu tiên thanh toán:

Thứ tự ưu tiên thanh toán đối với các nghĩa vụ tài sản và chi phí liên quan đến thừa kế được quy định như sau:

- + Chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng
- + Tiền cấp dưỡng còn thiếu
- + Tiền trợ cấp cho người sống nương nhờ
- + Tiền công lao động
- + Tiền bồi thường thiệt hại
- + Thuế và các khoản nợ khác đối với Nhà nước
- + Tiền phạt
- + Các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân hoặc chủ thể khác
- + Chi phí cho việc bảo quản di sản
- + Các chi phí khác

4. Quyền thừa kế

4.6. Thứ tự ưu tiên thanh toán:

Thứ tự ưu tiên thanh toán đối với các nghĩa vụ tài sản và chi phí liên quan đến thừa kế được quy định như sau:

- + Chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng
- + Tiền cấp dưỡng còn thiếu
- + Tiền trợ cấp cho người sống nương nhờ
- + Tiền công lao động
- + Tiền bồi thường thiệt hại
- + Thuế và các khoản nợ khác đối với Nhà nước
- + Tiền phạt
- + Các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân hoặc chủ thể khác
- + Chi phí cho việc bảo quản di sản
- + Các chi phí khác

4. Quyền thừa kế

4.7 Thời điểm và địa điểm mở thừa kế

Thời điểm mở thừa kế

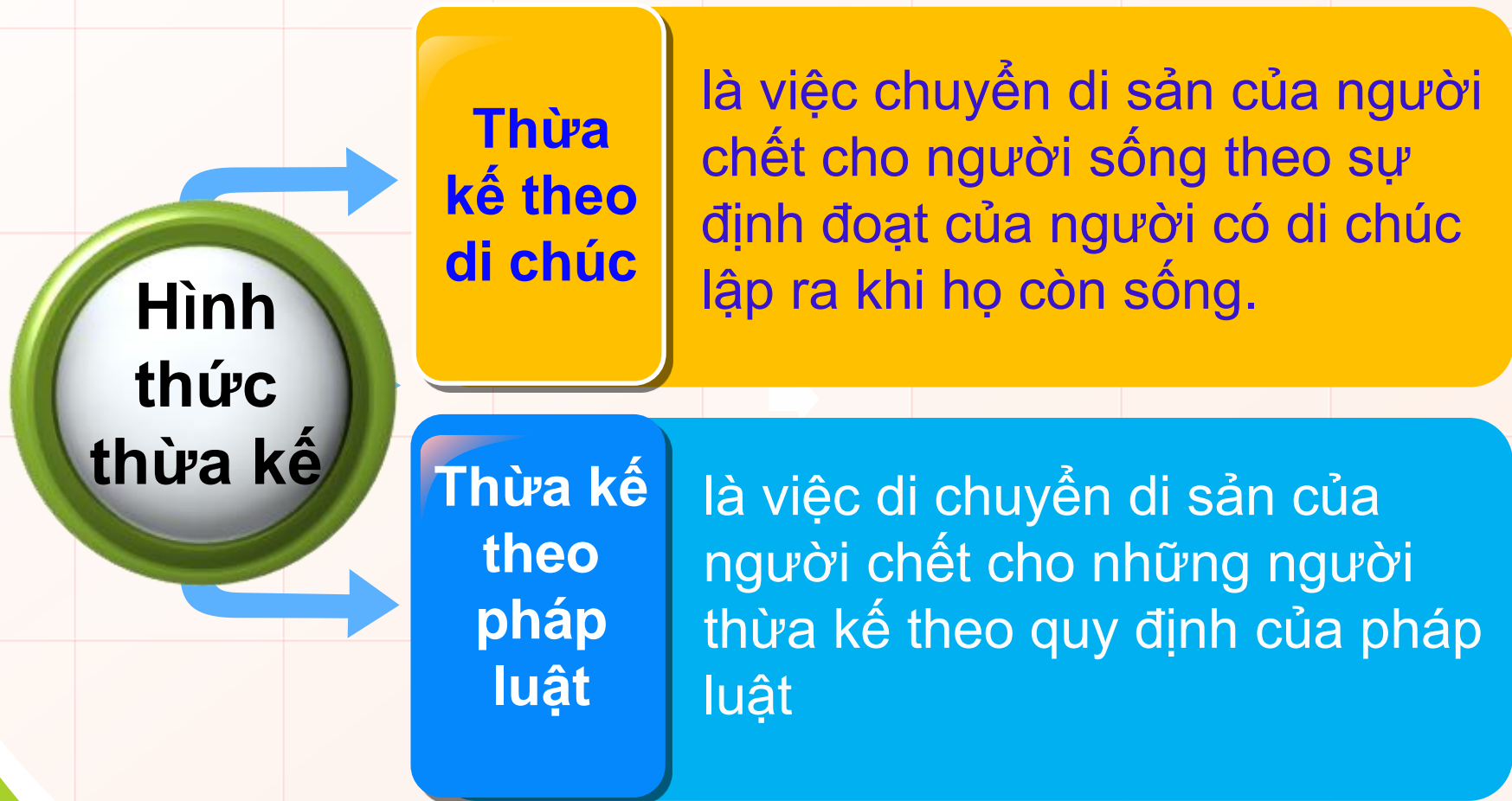
- Là thời điểm người có tài sản chết hoặc bị tuyên bố là đã chết
- Trong trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì ngày chết của người đó do Tòa án xác định hoặc là ngày mà quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm mở thừa kế

- Là nơi cư trú cuối cùng của người chết để lại di sản.
- Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản

4. Quyền thừa kế

4.8 Hình thức thừa kế



4.8 Hình thức thừa kế

a. Thừa kế theo pháp luật:

→ **Điều kiện áp dụng:**

- ❖ Không có di chúc,
- ❖ Di chúc không hợp pháp,
- ❖ Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người để lại di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế; những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản.
- ❖ Áp dụng với phần di sản không được định đoạt trong di chúc, phần di sản liên quan đến di chúc không có hiệu lực...

4.8 Hình thức thừa kế

a. Thừa kế theo pháp luật:

→ *Cách thức phân chia di sản thừa kế:*

Căn cứ theo diện thừa kế và hàng thừa kế

- ❖ **Diện thừa kế:** là phạm vi những người có quyền hưởng thừa kế xác định theo quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng giữa người thừa kế với người để lại thừa kế.
- ❖ **Hàng thừa kế:** thể hiện thứ tự được nhận di sản của những người thừa kế

4.8 Hình thức thừa kế

a. Thừa kế theo pháp luật:

➔ **Thứ tự thừa kế:** Pháp luật quy định có 3 hàng thừa kế.

- ❖ **Hàng thừa kế thứ 1:** vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;
- ❖ **Hàng thừa kế thứ 2:** ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;
- ❖ **Hàng thừa kế thứ 3:** cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chất ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

4.8 Hình thức thừa kế

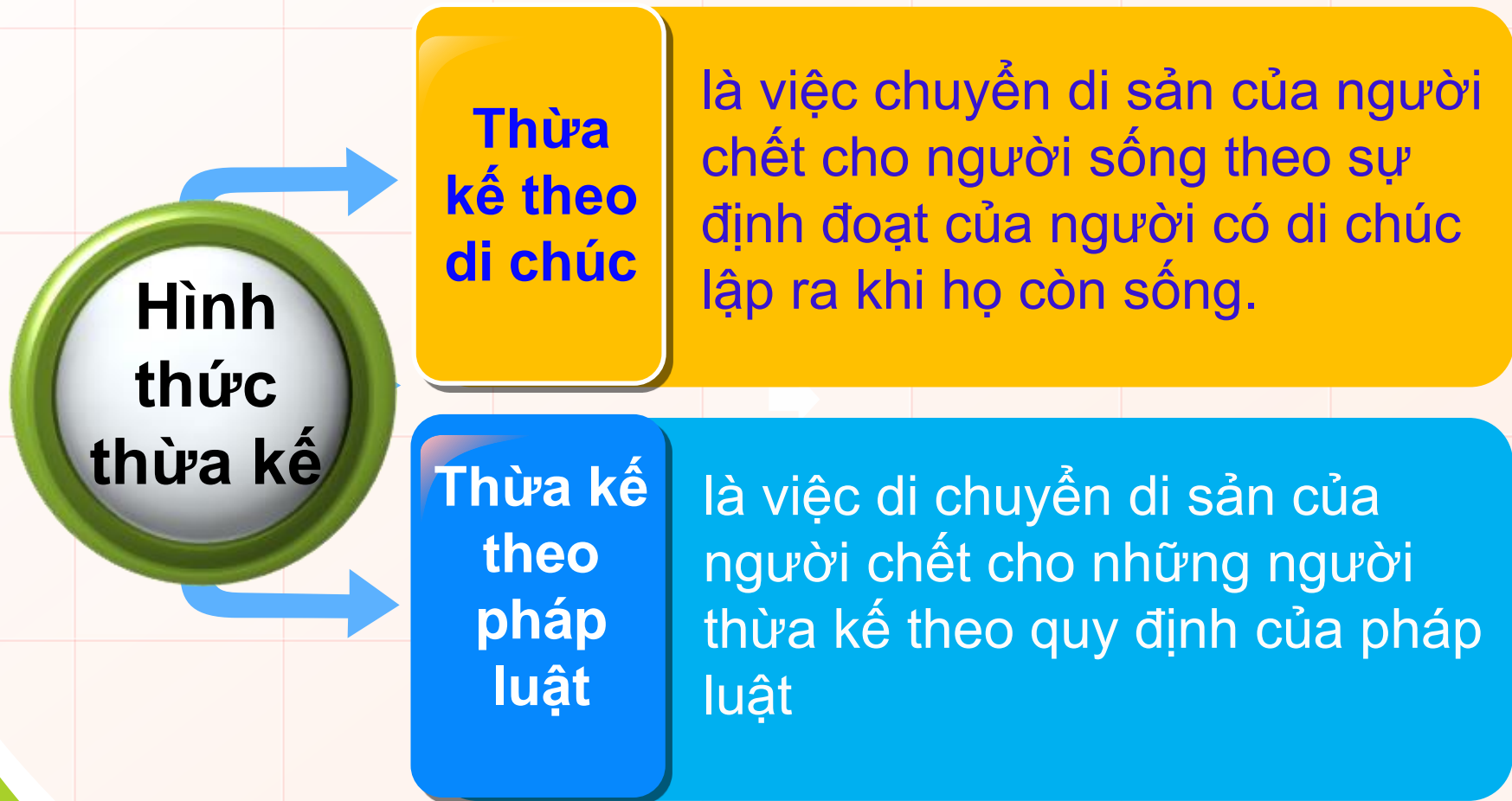
a. Thừa kế theo pháp luật:

→ *Nguyên tắc phân chia di sản thừa kế:*

- ❖ Những người cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản ngang nhau
- ❖ Người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế khi không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền thừa kế hoặc từ chối nhận thừa kế.

4. Quyền thừa kế

4.8 Hình thức thừa kế



4.8 Hình thức thừa kế

b. Thừa kế theo di chúc:

- **Di chúc:** Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết
- **Di chúc hợp pháp** phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện như:
 - Người lập di chúc phải tự nguyện, minh mẫn khi lập di chúc, không bị lừa dối hoặc cưỡng ép;
 - Nội dung và hình thức của di chúc không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

4.8 Hình thức thừa kế

b. Thừa kế theo di chúc:

→ **Người lập di chúc:**

- Người lập di chúc chỉ có thể là cá nhân cụ thể và phải có tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp. Người đã thành niên có quyền lập di chúc;
- Người đã thành niên (từ đủ 18 tuổi trở lên) trừ khi người đó bị mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác không thể nhận thức và làm chủ hành vi.
- Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể lập di chúc, nếu được cha mẹ hoặc người giám hộ đồng ý và phải được lập bằng văn bản.

4.8 Hình thức thừa kế

b. Thừa kế theo di chúc:

→ *Hình thức của di chúc:*

- Di chúc phải được lập bằng văn bản.
- Trong một số trường hợp, có thể lập di chúc miệng.
- Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản, có công chứng hoặc chứng thực.
- Vợ chồng có thể lập di chúc chung để định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của họ. Di chúc chung của vợ chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ chồng cùng chết.
- Di chúc có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế.

4.8 Hình thức thừa kế

b. Thừa kế theo di chúc:

→ **Người thừa kế không phụ thuộc nội dung của di chúc:**

1. Cha, mẹ,
2. Vợ, chồng,
3. Con chưa thành niên,
4. Con đã thành niên mất khả năng lao động của người lập di chúc

→ **Áp dụng khi:**

- Di chúc không cho hưởng hoặc
- Hưởng ít hơn $\frac{2}{3}$ suất theo PL

→ **Hệ quả:** Được hưởng phần di sản $= \frac{2}{3}$ suất của 1 người thừa kế theo PL

4.8 Hình thức thừa kế

c. Thừa kế thế vị:

Được áp dụng trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng đã chết trước người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống

4. Quyền thừa kế

4.9 Thời hiệu

Thời hiệu xác
nhận/bác bỏ
quyền thừa
kế

❖ Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Thời hiệu
yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ
tài sản

❖ Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Thời hiệu
yêu cầu chia
Di sản

❖ 30 năm đối với bất động sản,
❖ 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

- Bà A có một người con duy nhất là B, B có vợ là C. Năm 2008 B chết do bị tai nạn giao thông.
- Sau khi B chết, C sống với bà A
- Năm 2009 bà A bị bệnh chết không để lại di chúc, để lại di sản thừa kế trị giá 2 tỷ đồng
- C có được hưởng thừa kế tài sản của bà A không ? Tại sao ?



BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

❖ Vấn đề thừa kế giữa:

- Con riêng của vợ/chồng với cha dượng/mẹ kế?
- Con dâu/con rể với cha mẹ chồng/vợ?

➔ không được thừa kế

- Con riêng của vợ/chồng với cha dượng/mẹ kế?

Nếu nhận làm con nuôi trong trường hợp con riêng của vợ/chồng với cha dượng/mẹ kế.

The background features a light pink grid pattern. In the upper center, there are three realistic water droplets. On the right side, there are large, overlapping, semi-circular shapes in blue, red, and yellow. A green shape is visible at the bottom left.

Thank You!

L/O/G/O

www.themegallery.com